

Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển

Giáo viên : Huỳnh Thị Thu

Tổ : Sử- Địa- KTPL

Ngày soạn: 10/2026- Tiết : 7,8.

Tiết 6 Thực hành chủ đề 1,2

BÀI 4. KHÁI NIỆM VĂN MINH. MỘT SỐ NỀN VĂN MINH PHƯƠNG ĐÔNG THỜI CỔ - TRUNG ĐẠI

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Về kiến thức

- Giải thích được khái niệm văn minh.
- Phân biệt được khái niệm văn minh và văn hoá; nhận biết được mối quan hệ giữa văn hoá và văn minh.
- Nêu được những tiêu chuẩn cơ bản để nhận diện một nền văn minh như nhà nước, đô thị, chữ viết, tổ chức xã hội và các tiến bộ kỹ thuật.
- Nêu được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Ai Cập cổ đại về chữ viết, khoa học tự nhiên, kỹ thuật, kiến trúc và điêu khắc.
- Nêu được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Ấn Độ thời cổ - trung đại về tư tưởng, tôn giáo, chữ viết, văn học, nghệ thuật, khoa học và kỹ thuật.
- Nêu được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Trung Hoa thời cổ - trung đại về tư tưởng, tôn giáo, chữ viết, văn học, nghệ thuật, sử học, khoa học và kỹ thuật.
- Nhận xét được giá trị, sức sống và ảnh hưởng của các thành tựu văn minh phương Đông đối với lịch sử nhân loại, khu vực châu Á và Việt Nam.

2. Về kỹ năng, năng lực

- Rèn luyện kỹ năng sưu tầm, lựa chọn và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu các nền văn minh phương Đông thời cổ - trung đại.
- Rèn luyện kỹ năng quan sát, khai thác kênh hình, đọc tư liệu, lập bảng thống kê, so sánh và khái quát hoá kiến thức.
- Phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc nhận diện các loại hình thành tựu văn minh, xác định nội dung và giá trị của tư liệu, hiện vật, công trình kiến trúc.
- Phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc giải thích khái niệm, phân biệt văn hoá với văn minh, phân tích nguyên nhân hình thành và ý nghĩa của các thành tựu.
- Phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để liên hệ ảnh hưởng của văn minh Ấn Độ, Trung Hoa đối với Việt Nam và lựa chọn cách ứng xử phù hợp với di sản văn minh nhân loại.
- Rèn luyện năng lực giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học và giải quyết vấn đề thông qua hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm và trình bày sản phẩm.

3. Về phẩm chất

- Biết trân trọng giá trị, thành tựu và di sản của các nền văn minh nhân loại.
- Có ý thức bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá, văn minh; tôn trọng sự khác biệt và sự giao lưu giữa các nền văn minh.
- Bồi dưỡng tinh thần khách quan, trung thực khi khai thác và sử dụng tư liệu lịch sử.

- Hình thành phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm, chủ động tìm tòi, khám phá và hợp tác trong học tập.
- Có thái độ phê phán việc xuyên tạc, huỷ hoại hoặc thương mại hoá phản cảm các di sản văn minh.

4. Tích hợp NLS:

- 1.1.NC1b HS sử dụng công nghệ số để tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số.
- 1.2.NC1a Thực hiện đánh giá được độ tin cậy và độ tin cậy của các nguồn dữ liệu, thông tin và nội dung số.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Giáo án biên soạn theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực; phiếu học tập dành cho HS.
- SGK, SGV Lịch sử 10 - Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống; tài liệu tham khảo phù hợp.
- Tranh ảnh, kênh hình về bia đá Rô-sét-ta, bảng chữ số Ai Cập, kim tự tháp và tượng Nhân sư, đền Ma-ha-bô-đi, con dấu văn minh sông Ấn, chùa hang A-giân-ta, lăng Ta-giơ Ma-han, chữ giáp cốt, tượng binh mã và Vạn Lý Trường Thành.
- Lược đồ khu vực hình thành các nền văn minh Ai Cập, Ấn Độ, Trung Hoa; bảng thời gian khái quát các nền văn minh phương Đông.
- Máy tính, máy chiếu, bài trình chiếu; giấy A0/A3 hoặc bảng nhóm, bút dạ, phiếu học tập.
- Công cụ số tích hợp NLS: trình duyệt và Google Search; Microsoft Word hoặc PowerPoint; thư mục Google Drive/Zalo nhóm lớp do GV quản lý hoặc USB để nhận, chia sẻ sản phẩm; GV chuẩn bị sẵn đường dẫn, ảnh chụp màn hình hoặc bản in nguồn chính thống để dự phòng khi mất mạng.

2. Học sinh

- SGK Lịch sử 10, vở ghi, bút, thước và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.
- Đọc trước Bài 4; quan sát các hình 1 - 11 và khai thác các tư liệu 1 - 3 trong SGK.
- Sưu tầm một số hình ảnh hoặc tư liệu ngắn về thành tựu văn minh Ai Cập, Ấn Độ, Trung Hoa còn ảnh hưởng đến đời sống hiện nay.
- Chuẩn bị nội dung được phân công theo nhóm về chữ viết, tư tưởng - tôn giáo, văn học - nghệ thuật, khoa học - kỹ thuật và kiến trúc.
- Nếu có điều kiện, mỗi nhóm chuẩn bị 01 điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng; không bắt buộc mỗi HS có thiết bị. HS có thể hoàn thành sản phẩm bằng Word/PowerPoint trên máy tính của trường hoặc nộp bản giấy khi thiết bị hạn chế.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú học tập; huy động hiểu biết ban đầu của HS về những công trình, thành tựu tiêu biểu của các nền văn minh phương Đông; hình thành nhu cầu tìm hiểu khái niệm văn minh và giá trị của các thành tựu văn minh.

b. Nội dung: HS quan sát một số hình ảnh tiêu biểu, xác định tên công trình, quốc gia và nêu hiểu biết ban đầu; trả lời câu hỏi gợi mở của GV.

c. Sản phẩm học tập: HS nhận diện được kim tự tháp Ai Cập, lăng Ta-giơ Ma-han của Ấn Độ và Vạn Lý Trường Thành của Trung Hoa; bước đầu nhận xét đây là những thành tựu có giá trị lịch sử, văn hoá và sức sống lâu dài.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
GV trình chiếu ba hình ảnh tiêu biểu của các nền văn minh phương Đông và yêu cầu HS quan sát.    <i>Kim tự tháp và tượng Nhân sư ở Ghi-da</i> <i>Lăng Ta-giơ Ma-han ở A-gra</i> <i>Một đoạn Vạn Lý Trường Thành</i> - GV đặt câu hỏi: Các hình ảnh trên là những công trình nào? Thuộc những nền văn minh nào? - Theo em, vì sao các công trình được xây dựng từ hàng trăm hoặc hàng nghìn năm trước vẫn được nhân loại trân trọng, bảo tồn và nghiên cứu? - Ngoài các công trình trên, em còn biết thành tựu nào của Ai Cập, Ấn Độ hoặc Trung Hoa vẫn được sử dụng hay có ảnh hưởng đến ngày nay? - HS suy nghĩ cá nhân, trao đổi nhanh theo cặp và phát biểu. GV nhận xét, không chốt sâu mà dẫn dắt: để hiểu giá trị của những thành tựu ấy, trước hết cần làm rõ thế nào là văn minh, sau đó tìm hiểu một số nền văn minh phương Đông tiêu biểu.	HS nhận diện được kim tự tháp Ai Cập, lăng Ta-giơ Ma-han của Ấn Độ và Vạn Lý Trường Thành của Trung Hoa; bước đầu nhận xét đây là những thành tựu có giá trị lịch sử, văn hoá và sức sống lâu dài.	

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1. Tìm hiểu khái niệm văn minh

a. Mục tiêu: HS giải thích được khái niệm văn minh; phân biệt được văn minh và văn hoá; xác định được một số tiêu chuẩn cơ bản để nhận diện một nền văn minh.

b. Nội dung: GV tổ chức cho HS khai thác thông tin mục 1, Tư liệu 1 và mục Em có biết trong SGK; HS hoàn thành Phiếu học tập số 1, thảo luận và trình bày kết quả.

c. Sản phẩm học tập: HS nêu được khái niệm văn minh, văn hoá; hoàn thành bảng so sánh và chỉ ra mối quan hệ giữa hai khái niệm.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
---------------------	------------------	-----

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc thông tin mục 1 SGK, khai thác Tư liệu 1 và nội dung Em có biết; chú ý các cụm từ: “trình độ phát triển cao”, “nhà nước, đô thị, chữ viết”, “giá trị vật chất và tinh thần”. - GV phát Phiếu học tập số 1 và yêu cầu HS làm việc theo cặp: PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 - Câu 1. Giải thích khái niệm văn minh. - Câu 2. Nêu những tiêu chuẩn cơ bản để nhận diện một nền văn minh. - Câu 3. Hoàn thành bảng so sánh văn hoá và văn minh theo các tiêu chí: phạm vi, thời điểm xuất hiện, tính chất và ví dụ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc tư liệu, gạch chân từ khoá, trao đổi theo cặp và hoàn thành phiếu. GV quan sát, gợi mở đối với những cặp còn lúng túng. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện một số cặp trình bày. Các HS khác nhận xét, bổ sung và nêu ví dụ minh hoạ về văn hoá, văn minh. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV chuẩn xác khái niệm; nhấn mạnh văn hoá là nền tảng và môi trường hình thành văn minh, còn văn minh phản ánh trình độ phát triển cao của văn hoá trong một giai đoạn lịch sử.	- Văn minh là sự tiến bộ về vật chất và tinh thần của xã hội loài người; là trạng thái phát triển cao của nền văn hoá khi xã hội vượt qua trình độ của thời kì dã man. - Những tiêu chuẩn cơ bản để nhận diện văn minh gồm: nhà nước, đô thị, chữ viết, tổ chức xã hội phát triển và các tiến bộ về kĩ thuật nhằm cải thiện đời sống con người. - Văn hoá là tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử. - Điểm giống: đều do con người sáng tạo, phản ánh đời sống vật chất và tinh thần của xã hội. - Điểm khác: văn hoá xuất hiện cùng với con người và có phạm vi rộng; văn minh xuất hiện ở giai đoạn phát triển cao của xã hội, có các tiêu chí nhận diện rõ hơn và thường gắn với những thành tựu có tính phổ quát. - Mối quan hệ: văn hoá là cơ sở hình thành văn minh; thành tựu văn minh làm phong phú, lan toả và nâng cao giá trị văn hoá.	
---	--	--

Hoạt động 2. Tìm hiểu một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Ai Cập cổ đại

a. Mục tiêu: HS nêu được thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Ai Cập cổ đại về chữ viết, khoa học tự nhiên, kĩ thuật, kiến trúc và điêu khắc; biết khai thác tư liệu, kênh hình để trình bày.

b. Nội dung: GV tổ chức cho HS khai thác thông tin mục 2a, các hình 1 - 4 và nội dung Em có biết trong SGK; HS làm việc nhóm theo lĩnh vực và hoàn thành Phiếu học tập số 2.

c. Sản phẩm học tập: Bảng tổng hợp các thành tựu văn minh Ai Cập cổ đại, dẫn chứng từ tư liệu và nhận xét về ý nghĩa của từng thành tựu.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV giới thiệu khái quát: văn minh Ai Cập cổ đại hình thành và phát triển gắn với lưu vực sông Nin ở Đông Bắc châu Phi; đây là một trong những nền văn minh ra đời sớm nhất thế giới. - GV chia lớp thành bốn nhóm, giao nhiệm vụ: - Nhóm 1: Tìm hiểu chữ viết và ý nghĩa của bia đá Rô-sét-ta. - Nhóm 2: Tìm hiểu toán học, thiên văn học, lịch và y học. - Nhóm 3: Tìm hiểu kiến trúc, điêu khắc qua kim tự tháp, tượng Nhân sư và nắp quan tài Tu-tan-kha-mun. - Nhóm 4: Nhận xét ý nghĩa, giá trị và ảnh hưởng của các thành tựu Ai Cập đối với lịch sử nhân loại. Hình 1. Bia Rô-sét-ta; Hình 2. Chữ số Ai Cập Hình 3. Kim tự tháp và Nhân sư; Hình 4. Nắp quan tài Tu-tan-kha-mun PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2 - Lĩnh vực - Thành tựu tiêu biểu - Dẫn chứng từ hình ảnh/tư liệu - Ý nghĩa. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Các nhóm khai thác SGK, phân công thành viên ghi chép, lựa chọn dẫn chứng và thống nhất nội dung trình bày. GV quan	- Chữ viết: người Ai Cập sáng tạo chữ tượng hình từ khoảng hơn 3 000 năm TCN; chữ viết giúp ghi chép, quản lí nhà nước và lưu giữ tri thức. Bia đá Rô-sét-ta là chìa khoá giúp giải mã chữ tượng hình Ai Cập. - Toán học: sử dụng hệ đếm thập phân, biết tính diện tích hình tam giác, hình chữ nhật, thể tích một số hình khối; tính gần đúng số pi khoảng 3,16. - Thiên văn và lịch: quan sát bầu trời, sự vận hành của các thiên thể và sáng tạo lịch gồm 365 ngày trong một năm. - Y học: có hiểu biết về cấu tạo cơ thể, sử dụng nhiều loại dược liệu, chữa bệnh và thực hành ướp xác. - Kiến trúc, điêu khắc: kim tự tháp, tượng Nhân sư, đền tháp, lăng mộ và các sản phẩm kim hoàn đạt trình độ cao; thể hiện quyền lực, tín ngưỡng và kĩ thuật xây dựng. - Ý nghĩa: các thành tựu chứng tỏ trình độ phát triển cao của văn minh Ai Cập; đặt nền móng cho nhiều lĩnh vực tri thức, kĩ thuật và nghệ thuật của nhân loại.	[1.1-NC1-b] - Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số - Mỗi nhóm dùng Google Search hoặc đường dẫn GV cung cấp để tìm một dữ kiện kiểm chứng về bia Rô-sét-ta, lịch 365 ngày, kim tự tháp hoặc y học Ai Cập. HS ghi từ khóa, tên trang và thông tin thu được vào Phiếu số. [1.2-NC1-a/b] - Đánh giá dữ liệu, thông tin và nội dung số - HS đối chiếu kết quả với SGK và nguồn của bảo tàng/cơ quan giáo dục; nhận xét độ tin cậy theo cơ quan công bố, nội dung, thời điểm và khả năng kiểm chứng. GV đánh giá phiếu

sát, hỗ trợ và nhắc HS không chỉ kể tên mà phải nêu giá trị của thành tựu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện từng nhóm báo cáo. Nhóm khác đặt câu hỏi, nhận xét hoặc bổ sung. GV có thể yêu cầu HS giải thích vì sao người Ai Cập cần kiến thức hình học, thiên văn và y học. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV chuẩn xác kiến thức; nhấn mạnh điều kiện tự nhiên, nhu cầu sản xuất, quản lý và đời sống tinh thần đã thúc đẩy người Ai Cập sáng tạo nhiều thành tựu rực rỡ.		và phân giải thích của nhóm.
--	--	-------------------------------------

Hoạt động 3. Tìm hiểu một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Ấn Độ thời cổ - trung đại

- a. Mục tiêu:** HS nêu được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Ấn Độ thời cổ - trung đại về tư tưởng, tôn giáo, chữ viết, văn học, nghệ thuật, khoa học và kỹ thuật; nhận biết được ảnh hưởng của văn minh Ấn Độ đối với châu Á.
- b. Nội dung:** HS khai thác mục 2b, các hình 5 - 8 và Tư liệu 2 trong SGK; làm việc nhóm, hoàn thành bảng tổng hợp và trình bày kết quả.
- c. Sản phẩm học tập:** HS giới thiệu được các thành tựu theo lĩnh vực, nêu được ý nghĩa và chỉ ra một số ảnh hưởng đối với khu vực Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV giới thiệu khái quát: văn minh Ấn Độ hình thành và phát triển trên không gian rộng lớn ở Nam Á, có điều kiện tự nhiên đa dạng và lịch sử kéo dài từ thời cổ đại đến trung đại. - GV chia lớp thành bốn nhóm: - Nhóm 1: Tư tưởng, tôn giáo - Hin-đu giáo, Phật giáo và ảnh hưởng. - Nhóm 2: Chữ viết, văn học - chữ của văn minh sông Ấn, chữ Bra-mi, tiếng Phạn, kinh Vệ-đa, Ma-ha-bha-ra-ta, Ra-ma-ya-na, tác phẩm của Ca-li-đa-sa. - Nhóm 3: Nghệ thuật, kiến trúc - đền Ma-ha-bô-đi, chùa hang A-giân-ta, lăng Ta-giơ Ma-han. - Nhóm 4: Khoa học, kỹ thuật - toán học, thiên văn, vật lý, hoá học, luyện kim và y	- Tư tưởng, tôn giáo: hình thành nhiều trường phái triết học; Hin-đu giáo và Phật giáo có ảnh hưởng sâu rộng ở Ấn Độ, châu Á và thế giới. - Chữ viết: chữ của văn minh sông Ấn là một trong những hệ thống chữ sớm; chữ Bra-mi là cơ sở để người Ấn Độ cải biến, ghi âm tiếng Phạn và ảnh hưởng đến nhiều loại chữ trong khu vực. - Văn học: kinh Vệ-đa, hai bộ sử thi Ma-ha-bha-ra-ta và Ra-ma-ya-na, các tác phẩm của Ca-li-đa-sa có giá trị nghệ thuật và nhân văn sâu sắc. - Nghệ thuật, kiến trúc: đền tháp Hin-đu giáo, chùa tháp Phật	

được.



Hình 5. Đền Ma-ha-bô-đi; Hình 6. Con dấu văn minh sông Ấn



Hình 7. Chùa hang A-giân-ta; Hình 8. Lăng Ta-giơ Ma-han

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc SGK, phân công nhiệm vụ, lập bảng theo các cột: lĩnh vực - thành tựu - ý nghĩa - ảnh hưởng. GV hướng dẫn HS lựa chọn dẫn chứng, tránh liệt kê dàn trải.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện nhóm trình bày; nhóm khác nhận xét, đặt câu hỏi. GV yêu cầu HS liên hệ một số dấu ấn văn minh Ấn Độ ở Đông Nam Á và Việt Nam.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV chốt kiến thức; nhấn mạnh văn minh Ấn Độ có sức sống lâu dài, đạt thành tựu trên nhiều lĩnh vực và lan toả sâu rộng qua giao lưu văn hoá, tôn giáo, thương mại.

giáo, chùa hang A-giân-ta và lăng Ta-giơ Ma-han thể hiện sự kết hợp của nhiều phong cách, tôn giáo và kỹ thuật xây dựng.

- Toán học: sáng tạo hệ thống mười chữ số, đặc biệt là chữ số 0; tính gần đúng số pi khoảng 3,1416.

- Thiên văn, vật lý, hoá học và luyện kim: hiểu biết về vũ trụ, đặt lịch, nêu một số quan niệm về nguyên tử, đạt trình độ cao về kim loại và bảo vệ kim loại khỏi gỉ.

- Y - dược: có ghi chép về bệnh học, giải phẫu, dược học và phẫu thuật.

- Ý nghĩa: đóng góp quan trọng vào kho tàng tri thức nhân loại; tạo ảnh hưởng sâu rộng đến nhiều quốc gia châu Á, đặc biệt là Đông Nam Á.

Hoạt động 4. Tìm hiểu một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Trung Hoa thời cổ - trung đại

a. Mục tiêu: HS nêu được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Trung Hoa thời cổ - trung đại về tư tưởng, tôn giáo, chữ viết, văn học, nghệ thuật, sử học, khoa học, kỹ thuật và y học; nhận xét được sức sống, ảnh hưởng của văn minh Trung Hoa.

b. Nội dung: HS khai thác mục 2c, các hình 9 - 11 và Tư liệu 3 trong SGK; thảo luận theo nhóm, hoàn thành nhiệm vụ và trình bày kết quả.

c. Sản phẩm học tập: Bảng hệ thống thành tựu văn minh Trung Hoa, phần trình bày về ý nghĩa và một số dẫn chứng ảnh hưởng đối với Đông Á, Đông Nam Á và Việt Nam.

d. Tổ chức thực hiện:

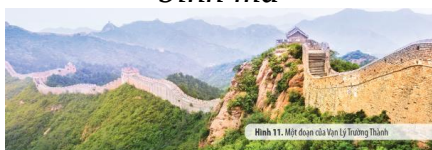
HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV giới thiệu khái quát: văn minh Trung Hoa hình thành ở lưu vực Hoàng Hà và Trường Giang, phát triển liên tục	- Tư tưởng, tôn giáo: Nho giáo, Đạo giáo, Mặc gia, Pháp gia ra đời sớm; Phật giáo được du nhập, cải biến và phát triển. Các	

qua nhiều thời kì và là một trong những nền văn minh có ảnh hưởng rộng lớn, lâu dài nhất thế giới.

- GV chia lớp thành bốn nhóm:
- Nhóm 1: Tư tưởng, tôn giáo - Nho giáo, Đạo giáo, Mặc gia, Pháp gia, Phật giáo.
- Nhóm 2: Chữ viết, văn học, sử học - chữ giáp cốt, chữ Hán, thơ Đường, tiểu thuyết Minh - Thanh, Sử kí.
- Nhóm 3: Nghệ thuật, kiến trúc - hội hoạ, điêu khắc, cung điện, lăng mộ, tượng binh mã, Vạn Lý Trường Thành.
- Nhóm 4: Khoa học, kĩ thuật và y học - toán học, thiên văn, lịch pháp, y dược, bốn phát minh lớn.



Hình 9. Chữ giáp cốt; Hình 10. Tượng binh mã



Hình 11. Một đoạn Vạn Lý Trường Thành

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Các nhóm khai thác SGK và Tư liệu 3, lựa chọn thành tựu tiêu biểu, xác định ý nghĩa và chuẩn bị phần trình bày. GV gợi ý HS phân biệt giá trị lịch sử của thành tựu với ảnh hưởng của thành tựu đối với đời sống hiện nay.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện các nhóm trình bày; các nhóm còn lại phản biện, bổ sung. GV yêu cầu HS nêu ví dụ về dấu ấn văn minh Trung Hoa trong chữ viết, tư tưởng, kiến trúc, y học hoặc đời sống văn hoá ở Việt Nam.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV tổng hợp, chuẩn xác kiến thức; nhấn mạnh tính liên tục, lâu đời và khả năng lan toả của văn minh Trung Hoa, đồng thời định hướng HS tiếp nhận các giá trị văn minh một cách khách quan, có chọn lọc.

học thuyết có ảnh hưởng lâu dài đến tổ chức nhà nước, đạo đức và đời sống xã hội.

- Chữ viết: chữ giáp cốt là hình thái sớm, sau đó được chỉnh lí và phát triển thành chữ Hán; chữ viết trở thành công cụ ghi chép, sáng tác, quản lí và truyền bá văn hoá.

- Văn học: thơ Đường, tiểu thuyết chương hồi thời Minh - Thanh và nhiều thể loại khác có giá trị lớn, ảnh hưởng đến văn học khu vực.

- Nghệ thuật, kiến trúc: cung điện, lăng mộ, thành quách, tượng binh mã, Vạn Lý Trường Thành; hội hoạ đa dạng về đề tài, chất liệu và phong cách.

- Toán học, thiên văn và lịch pháp: sử dụng hệ đếm thập phân, tính diện tích và thể tích; ghi chép nhật thực, nguyệt thực, nhiều hiện tượng thiên văn; đặt lịch phục vụ sản xuất.

- Y - dược học: phát triển nhiều phương pháp chẩn đoán, chữa bệnh bằng thuốc, châm cứu; có các thầy thuốc nổi tiếng như Hoa Đà, Trương Trọng Cảnh.

- Sử học: đạt thành tựu lớn với Sử kí của Tư Mã Thiên và nhiều bộ chính sử, tạo nguồn tư liệu quý giá.

- Kĩ thuật: bốn phát minh lớn gồm làm giấy, kĩ thuật in, thuốc súng và la bàn; có ảnh hưởng sâu rộng đến tiến trình văn minh nhân loại.

- Ý nghĩa: các thành tựu để lại dấu ấn đậm nét ở Đông Á và nhiều khu vực khác, thúc đẩy giao lưu văn hoá, tri thức và kĩ thuật giữa phương Đông với phương Tây.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố, hệ thống hoá kiến thức về khái niệm văn minh, sự khác nhau giữa văn minh và văn hoá, các thành tựu tiêu biểu của Ai Cập, Ấn Độ, Trung Hoa thời cổ - trung đại.

b. Nội dung: HS hoàn thành bảng hệ thống, trả lời câu hỏi và giải thích lựa chọn dưới sự hướng dẫn của GV.

c. Sản phẩm học tập: Bảng tổng hợp chính xác, câu trả lời có dẫn chứng, phần trình bày ngắn gọn của cá nhân hoặc nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS	
- Câu 1. Lập bảng thể hiện các thành tựu văn minh tiêu biểu của Ai Cập cổ đại, Ấn Độ và Trung Hoa thời cổ - trung đại theo các mục: nền văn minh - thành tựu - lĩnh vực - ý nghĩa. - Câu 2. Từ kết quả bài tập 1, em ấn tượng nhất với thành tựu nào? Vì sao? - Câu 3. Phân biệt văn hoá và văn minh bằng một ví dụ cụ thể. Gợi ý: nêu giá trị văn hoá, sau đó chỉ ra những tiêu chí thể hiện trình độ văn minh. - GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân hoặc theo nhóm; gọi một số HS trình bày, nhận xét và chuẩn xác kiến thức. GV khuyến khích HS sử dụng dẫn chứng từ hình ảnh, tư liệu trong SGK.	Bảng tổng hợp chính xác, câu trả lời có dẫn chứng, phần trình bày ngắn gọn của cá nhân hoặc nhóm.		
Nền văn minh	Thành tựu tiêu biểu	Thuộc lĩnh vực	Ý nghĩa
Ai Cập cổ đại	Chữ tượng hình; hệ đếm thập phân; lịch 365 ngày; y học;	Chữ viết; khoa học - kỹ thuật;	Lưu giữ tri thức; đặt nền

	kim tự tháp, tượng Nhân sư.	kiến trúc - điêu khắc.	móng cho khoa học, kĩ thuật và nghệ thuật nhân loại.
Ấn Độ thời cổ - trung đại	Hin-đu giáo, Phật giáo; chữ Bra-mi; sử thi; chữ số 0; A-giân-ta, Ta-giơ Ma-han.	Tư tưởng - tôn giáo; chữ viết; văn học - nghệ thuật; khoa học.	Đóng góp lớn cho tri thức; lan toả sâu rộng ở châu Á và Đông Nam Á.
Trung Hoa thời cổ - trung đại	Nho giáo; chữ Hán; thơ Đường, tiểu thuyết; Sử kí; bốn phát minh; Vạn Lý Trường Thành.	Tư tưởng; chữ viết; văn học - sử học; khoa học - kĩ thuật; kiến trúc.	Ảnh hưởng lâu dài đến Đông Á và thế giới; thúc đẩy giao lưu văn hoá, kĩ thuật.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Giúp HS vận dụng kiến thức đã học để nhận diện ảnh hưởng của các nền văn minh phương Đông đối với Việt Nam và đời sống hiện nay; hình thành khả năng tìm kiếm, lựa chọn, trình bày thông tin.

b. Nội dung: HS thực hiện nhiệm vụ học tập ngoài giờ hoặc theo nhóm, lựa chọn một vấn đề gắn với ảnh hưởng của văn minh Ấn Độ, Trung Hoa hoặc giá trị của một thành tựu Ai Cập.

c. Sản phẩm học tập: Đoạn viết, bài thuyết trình, bảng ảnh, sơ đồ tư duy hoặc infographic có nguồn tư liệu rõ ràng, nội dung chính xác và cách trình bày mạch lạc.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
- Nhiệm vụ 1. Liên hệ và cho biết ảnh hưởng của những thành tựu văn minh Ấn Độ, Trung Hoa thời cổ - trung đại đối với Việt Nam hiện nay. HS có thể lựa chọn một trong các lĩnh vực: tôn giáo, chữ viết, văn học, kiến trúc, nghệ thuật, y học, lịch pháp hoặc phong tục. - Nhiệm vụ 2. Sưu tầm hình ảnh, tư liệu về một thành tựu văn minh phương Đông mà em yêu thích; viết đoạn giới thiệu khoảng 150 - 200 chữ, nêu rõ nguồn gốc, đặc điểm, giá trị và ảnh hưởng. - Nhiệm vụ 3. Thiết kế sơ đồ tư duy hoặc infographic với chủ đề “Ba nền văn minh phương Đông - những đóng góp còn mãi”, trong đó có ít nhất ba lĩnh vực và một nhận xét của	Đoạn viết, bài thuyết trình, bảng ảnh, sơ đồ tư duy hoặc infographic có nguồn tư liệu rõ ràng, nội dung chính xác và cách trình bày mạch lạc.	[1.1-NC1-b; 1.2-NC1-a/b] - Khai thác và đánh giá dữ liệu, thông tin số - Ở Nhiệm vụ 2, HS áp dụng từ khóa để tìm tư liệu về một thành tựu văn minh phương Đông; đối chiếu với SGK và nguồn đáng tin cậy, ghi tên nguồn, đường dẫn và ngày truy cập.

cá nhân. - GV hướng dẫn HS lựa chọn nguồn tin đáng tin cậy, ghi nguồn tư liệu, phân công nhiệm vụ rõ ràng nếu làm theo nhóm; thu sản phẩm, nhận xét và sử dụng làm học liệu trưng bày trong lớp. - Yêu cầu cần đạt: sản phẩm đúng kiến thức, có dẫn chứng cụ thể, thể hiện được mối liên hệ giữa thành tựu trong quá khứ với đời sống hiện nay và có quan điểm trân trọng di sản văn minh.		
--	--	--

E. NHẬN XÉT SAU GIỜ DẠY

.....

.....

.....